

Số: ~~17~~ /2013/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày ~~28~~ tháng ~~8~~ năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn,
bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Lai Châu**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20/4/2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị quyết Liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17/4/2008 của Chính phủ - Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về hướng dẫn thi hành các Điều 11, 14, 16, 22 và Điều 26 của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 738/TT-SNV ngày 12 tháng 6 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ;

Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp; | b/c
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các Sở: Nội vụ, Tư pháp;
- VPUBND tỉnh: Lãnh đạo, CV;
- Báo Lai Châu, Đài PTTH tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Huyện ủy, Thị ủy các huyện, thị xã;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã;
- Lưu: VT, TH.



Nguyễn Khắc Chữ

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Lai Châu

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: **17** /2013/QĐ-UBND ngày **28** tháng **8**
năm 2013 của UBND tỉnh Lai Châu)*

Chương 1 NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về tổ chức và hoạt động của thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Bản, tổ dân phố

1. Thôn, đội, bản,...(gọi chung là bản); bản được tổ chức ở dưới xã, dưới xã là bản.
2. Tổ dân phố, khu phố, ... (gọi chung là tổ dân phố); tổ dân phố được tổ chức ở phường, thị trấn; dưới phường, thị trấn là tổ dân phố.
3. Bản, tổ dân phố không phải là một cấp hành chính mà là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư có chung địa bàn cư trú trong một khu vực ở một xã, phường, thị trấn (xã, phường, thị trấn sau đây gọi chung là cấp xã); nơi thực hiện dân chủ trực tiếp và rộng rãi để phát huy các hình thức hoạt động tự quản, tổ chức nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ cấp trên giao.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bản, tổ dân phố

1. Bản, tổ dân phố chịu sự quản lý Nhà nước trực tiếp của chính quyền cấp xã. Hoạt động của bản, tổ dân phố phải tuân thủ pháp luật, dân chủ, công khai, minh bạch; bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền cấp xã và sự hướng dẫn, triển khai công tác của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã.
2. Không chia tách các bản, tổ dân phố đang hoạt động ổn định, ở tập trung, có từ lâu đời để tránh ảnh hưởng đến việc gắn kết cộng đồng dân cư và xáo trộn nề nếp sinh hoạt để thành lập bản mới, tổ dân phố mới.
3. Khuyến khích việc sáp nhập bản, tổ dân phố để thành lập bản mới, tổ dân phố mới nhằm tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của

chính quyền cấp xã và nâng cao hiệu quả đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của bản, tổ dân phố.

4. Các bản, tổ dân phố nằm trong quy hoạch giải phóng mặt bằng, quy hoạch giãn dân, tái định cư hoặc điều chỉnh địa giới hành chính được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc do việc di dân đã hình thành các cụm dân cư mới nơi có địa hình chia cắt, địa bàn rộng, giao thông đi lại khó khăn, đòi hỏi phải thành lập bản mới, tổ dân phố mới thì điều kiện thành lập bản mới, tổ dân phố mới có thể thấp hơn các quy định tại Điều 7 Quy chế này.

5. Trường hợp không thành lập bản mới, tổ dân phố mới theo quy định tại Khoản 4 Điều này thì ghép các cụm dân cư hình thành mới vào bản, tổ dân phố hiện có cho phù hợp, bảo đảm thuận lợi trong công tác quản lý của chính quyền cấp xã và các hoạt động của bản, tổ dân phố, của cụm dân cư.

Chương 2

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BẢN, TỔ DÂN PHỐ

Điều 4. Tổ chức của bản, tổ dân phố

1. Mỗi bản có Trưởng bản, 01 Phó Trưởng bản và các tổ chức tự quản khác của bản. Trường hợp có trên 500 hộ gia đình thì có thể bổ trí thêm 01 Phó Trưởng bản.

2. Mỗi tổ dân phố có Tổ trưởng tổ dân phố và các tổ chức tự quản khác của tổ dân phố. Trường hợp tổ dân phố có trên 600 hộ gia đình thì có thể bổ trí thêm 01 Tổ phó tổ dân phố.

Điều 5. Nội dung hoạt động của bản, tổ dân phố

1. Cộng đồng dân cư bản, tổ dân phố bàn và biểu quyết để cấp có thẩm quyền quyết định những nội dung theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn; bàn và quyết định trực tiếp việc thực hiện các công việc tự quản không trái với quy định của pháp luật trong việc xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, hiện đại, phát triển sản xuất, xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng, xóa đói, giảm nghèo; thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; những công việc do cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp trên triển khai đối với bản, tổ dân phố; thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân đối với Nhà nước; bảo đảm đoàn kết, dân chủ, công khai, minh bạch, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội và vệ sinh môi trường; giữ gìn và phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp ở địa phương; xây dựng, giữ vững và phát huy danh hiệu “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”; phòng, chống các tệ nạn xã hội và xóa bỏ hủ tục lạc hậu.

2. Thực hiện dân chủ ở cơ sở; xây dựng và thực hiện quy chế, hương ước, quy ước của bản, tổ dân phố; tích cực tham gia cuộc vận động “Toàn dân đoàn

kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” và các phong trào, các cuộc vận động do các tổ chức chính trị - xã hội phát động.

3. Thực hiện sự lãnh đạo của chi bộ bản, tổ dân phố hoặc Đảng ủy cấp xã hay chi bộ sinh hoạt ghép (nơi chưa có chi bộ bản, chi bộ tổ dân phố), củng cố và duy trì hoạt động có hiệu quả của các tổ chức tự quản khác của bản, tổ dân phố theo quy định của pháp luật.

4. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng bản, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng bản, Tổ phó tổ dân phố. Bầu, bãi nhiệm thành viên Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

5. Các nội dung hoạt động của bản, tổ dân phố theo quy định tại Điều này được thực hiện thông qua hội nghị của bản, tổ dân phố.

Điều 6. Hội nghị của bản, tổ dân phố

1. Hội nghị bản, tổ dân phố được tổ chức mỗi năm 2 lần (thời gian vào giữa năm và cuối năm); khi cần có thể họp bất thường. Thành phần hội nghị là toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong bản, tổ dân phố. Hội nghị do Trưởng bản, Tổ trưởng tổ dân phố triệu tập và chủ trì. Hội nghị được tiến hành khi có trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong bản, tổ dân phố tham dự.

2. Việc tổ chức đề nhân dân bản và quyết định trực tiếp hoặc biểu quyết đề cấp có thẩm quyền quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 4 và Điều 5 của Hướng dẫn ban hành kèm theo Nghị quyết Liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17/4/2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Điều 7. Điều kiện thành lập bản mới, tổ dân phố mới

Việc thành lập bản mới, tổ dân phố mới phải bảo đảm có đủ các điều kiện sau:

1. Quy mô số hộ gia đình:

- Đối với bản: Phải có từ 100 hộ gia đình trở lên.

- Đối với Tổ dân phố: Phải có từ 150 hộ gia đình trở lên.

Trường hợp thành lập phường, thị trấn từ xã thì chuyển các bản hiện có của xã thành tổ dân phố thuộc phường, thị trấn.

2. Các điều kiện khác:

Bản và tổ dân phố phải có cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để phục vụ hoạt động cộng đồng và ổn định cuộc sống của người dân. Riêng đối với bản phải bảo đảm diện tích đất ở và đất sản xuất bình quân của mỗi hộ gia đình ít nhất bằng mức bình quân chung của xã.

Điều 8. Quy trình và hồ sơ thành lập bản mới, tổ dân phố mới (bao gồm cả sáp nhập, giải thể)

1. Căn cứ nguyên tắc quy định tại Điều 3 và điều kiện thành lập bản mới, tổ dân phố mới tại Điều 7 Quy chế này, UBND tỉnh quyết định chủ trương thành lập

bản mới, tổ dân phố mới; chỉ đạo UBND cấp huyện giao UBND cấp xã xây dựng Đề án thành lập bản mới, tổ dân phố mới. Nội dung chủ yếu của Đề án gồm:

- a) Sự cần thiết thành lập bản mới, tổ dân phố mới;
- b) Tên gọi của bản mới, tổ dân phố mới;
- c) Vị trí địa lý, ranh giới của bản mới, tổ dân phố mới (có sơ đồ thể hiện vị trí địa lý);
- d) Dân số (số hộ gia đình, số nhân khẩu) của bản mới, tổ dân phố mới;
- đ) Diện tích tự nhiên của bản mới, tổ dân phố mới (đối với bản phải chi tiết số liệu về diện tích đất ở, đất sản xuất), đơn vị tính là hecta;
- e) Các điều kiện khác quy định tại Khoản 2 Điều 7 Quy chế này;
- g) Đề xuất, kiến nghị.

2. UBND cấp xã tổ chức lấy ý kiến của toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thành lập bản mới, tổ dân phố mới về Đề án thành lập bản mới, tổ dân phố mới; tổng hợp các ý kiến và lập thành biên bản lấy ý kiến về Đề án.

3. Đề án thành lập bản mới, tổ dân phố mới nếu được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thành lập bản mới, tổ dân phố mới tán thành thì UBND cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ (kèm theo biên bản lấy ý kiến) trình HĐND cấp xã thông qua tại kỳ họp gần nhất. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có Nghị quyết của HĐND cấp xã, UBND cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình UBND cấp huyện.

4. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do UBND cấp xã chuyển đến, UBND cấp huyện có Tờ trình (kèm hồ sơ thành lập bản mới, tổ dân phố mới của UBND cấp xã) gửi Sở Nội vụ để thẩm định, trình UBND tỉnh. Thời hạn thẩm định của Sở Nội vụ không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình và hồ sơ của UBND cấp huyện.

5. Hồ sơ trình UBND tỉnh gồm:

- a) Tờ trình của UBND cấp huyện (kèm theo Tờ trình và hồ sơ thành lập bản mới, tổ dân phố mới của UBND cấp xã trình UBND cấp huyện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều này);
- b) Văn bản thẩm định của Sở Nội vụ.

6. Căn cứ vào hồ sơ trình của UBND cấp huyện và kết quả thẩm định của Sở Nội vụ, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét ban hành Nghị quyết thành lập bản mới, tổ dân phố mới. Sau khi có Nghị quyết của HĐND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định thành lập bản mới, tổ dân phố mới.

Điều 9. Quy trình và hồ sơ đổi tên bản, tổ dân phố

1. Căn cứ vào tình hình thực tế và sự cần thiết phải đổi tên bản, tổ dân phố, theo đề nghị của ít nhất một phần ba cử tri trong bản, tổ dân phố, UBND cấp xã báo cáo UBND cấp huyện trình UBND tỉnh xin chủ trương đổi tên bản,

tổ dân phố. Tờ trình xin chủ trương cần nêu rõ đặc điểm, vị trí, thực trạng của bản, tổ dân phố, sự cần thiết phải đổi tên bản, tổ dân phố và tên bản, tổ dân phố dự kiến.

2. Sau khi có quyết định chủ trương của UBND tỉnh, UBND cấp huyện giao UBND cấp xã tiến hành lập Đề án xin đổi tên bản, tổ dân phố.

Nội dung chủ yếu của Đề án xin đổi tên bản, tổ dân phố gồm có:

- a) Sự cần thiết đổi tên bản, tổ dân phố;
- b) Tên gọi mới của bản, tổ dân phố;
- c) Vị trí địa lý, ranh giới của bản, tổ dân phố (có sơ đồ thể hiện vị trí địa lý);
- d) Dân số (số hộ gia đình, số nhân khẩu) của bản, tổ dân phố;
- đ) Diện tích tự nhiên của bản, tổ dân phố (đối với bản phải chi tiết số liệu về diện tích đất ở, đất sản xuất nông, lâm nghiệp), đơn vị tính là hecta;
- e) Đề xuất, kiến nghị.

3. UBND cấp xã tiến hành lấy ý kiến của toàn bộ cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực về việc đổi tên bản, tổ dân phố và lập thành biên bản lấy ý kiến cử tri.

Nếu có trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình đồng ý, UBND cấp xã hoàn thiện Đề án cùng biên bản lấy ý kiến họp dân trình HĐND cùng cấp thông qua.

4. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có Nghị quyết của HĐND cùng cấp, UBND cấp xã hoàn thiện hồ sơ và lập Tờ trình trình UBND cấp huyện.

5. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ do UBND cấp xã chuyển đến, UBND cấp huyện làm Tờ trình kèm theo hồ sơ của UBND cấp xã xin đổi tên bản, tổ dân phố trình UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ).

6. Sau khi nhận được các giấy tờ hợp lệ của UBND cấp huyện, Sở Nội vụ tiến hành thẩm định phương án đổi tên bản, tổ dân phố. Nếu chưa đủ các giấy tờ hợp lệ, Sở Nội vụ có văn bản đề nghị UBND cấp huyện bổ sung, nếu đầy đủ các giấy tờ hợp lệ, Sở Nội vụ thẩm định phương án và lập báo cáo thẩm định trình UBND tỉnh.

Hồ sơ trình UBND tỉnh gồm có:

- a) Văn bản thẩm định của Sở Nội vụ;
- b) Tờ trình của UBND cấp huyện kèm theo hồ sơ xin đổi tên bản, tổ dân phố của UBND cấp xã;

7. Căn cứ vào hồ sơ trình của UBND cấp huyện và kết quả thẩm định của Sở Nội vụ, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết đổi tên bản, tổ dân phố. Sau khi có Nghị quyết của HĐND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định đổi tên bản, tổ dân phố.

Điều 10. Quy trình và hồ sơ ghép cụm dân cư vào bản, tổ dân phố hiện có

1. Đối với trường hợp ghép cụm dân cư vào bản, tổ dân phố hiện có theo quy định tại Khoản 5 Điều 3 Quy chế này thì sau khi có quyết định về chủ trương của UBND cấp huyện, UBND cấp xã xây dựng Đề án ghép cụm dân cư vào bản, tổ dân phố hiện có. Nội dung chủ yếu của Đề án gồm:

- a) Sự cần thiết ghép cụm dân cư vào bản, tổ dân phố hiện có;
- b) Vị trí địa lý, ranh giới của bản, tổ dân phố sau khi ghép (có sơ đồ thể hiện vị trí địa lý);
- c) Dân số (số hộ gia đình, số nhân khẩu) của bản, tổ dân phố sau khi ghép;
- d) Diện tích tự nhiên của bản, tổ dân phố sau khi ghép (đối với bản phải chi tiết số liệu về diện tích đất ở, đất sản xuất), đơn vị tính là hecta;
- đ) Đề xuất, kiến nghị.

2. UBND cấp xã tổ chức lấy ý kiến của toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thực hiện ghép cụm dân cư (bao gồm cụm dân cư và bản, tổ dân phố hiện có) về Đề án ghép cụm dân cư vào bản, tổ dân phố hiện có; tổng hợp các ý kiến và lập thành biên bản lấy ý kiến về Đề án.

3. Đề án ghép cụm dân cư vào bản, tổ dân phố hiện có nếu được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thực hiện ghép cụm dân cư tán thành thì UBND cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ (kèm theo biên bản lấy ý kiến) trình HĐND cấp xã thông qua tại kỳ họp gần nhất. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có Nghị quyết của HĐND cấp xã, UBND cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình UBND cấp huyện.

Trường hợp Đề án chưa được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thực hiện ghép cụm dân cư tán thành thì UBND cấp xã tổ chức lấy ý kiến lần thứ 2; nếu vẫn không được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có biên bản lấy ý kiến lần thứ 2, UBND cấp xã báo cáo UBND cấp huyện xem xét, quyết định.

4. Hồ sơ trình UBND cấp huyện gồm:

- a) Tờ trình của UBND cấp xã;
- b) Hồ sơ ghép cụm dân cư vào bản, tổ dân phố hiện có của UBND cấp xã theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều này.

5. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do UBND cấp xã chuyển đến, UBND cấp huyện có trách nhiệm xem xét, thông qua và giao Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành Quyết định việc ghép cụm dân cư vào bản, tổ dân phố hiện có.

Chương 3
QUYỀN HẠN, NGHĨA VỤ, TIÊU CHUẨN VÀ
QUY TRÌNH BẦU, MIỄN NHIỆM, BÀI NHIỆM TRƯỞNG
BẢN, PHÓ TRƯỞNG BẢN, TỔ TRƯỞNG, TỔ PHÓ TỔ DÂN PHỐ

Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng bản và Tổ trưởng tổ dân phố

1. Nhiệm vụ:

a) Bảo đảm các hoạt động của bản, tổ dân phố theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 của Quy chế này;

b) Triệu tập và chủ trì hội nghị bản, tổ dân phố;

c) Triển khai thực hiện những nội dung do cộng đồng dân cư của bản, tổ dân phố bàn và quyết định trực tiếp; tổ chức nhân dân trong bản, tổ dân phố thực hiện đúng các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và những nhiệm vụ do cấp trên giao;

d) Vận động và tổ chức nhân dân thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở; tổ chức xây dựng và thực hiện quy chế, quy ước, hương ước của bản, tổ dân phố không trái với quy định của pháp luật;

đ) Phối hợp với Ban công tác Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội của bản, tổ dân phố, tổ chức nhân dân tham gia thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư”, phong trào “Dân vận khéo” và các phong trào, các cuộc vận động do Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phát động;

e) Tổ chức vận động nhân dân giữ gìn an ninh, trật tự và an toàn xã hội; phòng, chống tội phạm và các tệ nạn xã hội trong bản, tổ dân phố, không để xảy ra mâu thuẫn, tranh chấp phức tạp trong nội bộ nhân dân; báo cáo kịp thời với Ủy ban nhân dân cấp xã những hành vi vi phạm pháp luật trong bản, tổ dân phố;

g) Tập hợp, phản ánh, đề nghị chính quyền cấp xã giải quyết những kiến nghị, nguyện vọng chính đáng của nhân dân trong bản, tổ dân phố; lập biên bản về những vấn đề đã được nhân dân trong bản, tổ dân phố bàn và quyết định trực tiếp, bàn và biểu quyết để cấp có thẩm quyền quyết định; báo cáo kết quả cho Chủ tịch UBND cấp xã;

h) Phối hợp với Trưởng ban công tác Mặt trận và Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội của bản, tổ dân phố trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ chính trị - xã hội trong cộng đồng dân cư; đẩy mạnh hoạt động của các tổ chức tự quản (nếu có) của bản, tổ dân phố như: Tổ dân vận, Tổ hòa giải, Tổ quần chúng bảo vệ an ninh và trật tự, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng, Tổ bảo vệ sản xuất và các tổ chức tự quản khác theo quy định của pháp luật;

i) Hàng tháng báo cáo kết quả công tác với UBND cấp xã; sáu tháng đầu năm và cuối năm phải báo cáo công tác trước hội nghị bản, tổ dân phố.

2. Quyền hạn:

a) Được ký hợp đồng về dịch vụ phục vụ sản xuất, xây dựng cơ sở hạ tầng và công trình phúc lợi công cộng do bản, tổ dân phố đầu tư đã được Hội nghị bản, tổ dân phố thông qua;

b) Trưởng bản, Tổ trưởng Tổ dân phố giới thiệu Phó Trưởng bản, Tổ phó Tổ dân phố giúp việc; phân công nhiệm vụ và quy định quyền hạn giải quyết công việc của Phó Trưởng bản, Tổ phó Tổ dân phố; được cấp trên mời dự họp về các vấn đề liên quan;

c) Thực hiện các nhiệm vụ do cấp trên giao và các nhiệm vụ khác tại cộng đồng dân cư theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Tiêu chuẩn Trưởng bản, Tổ trưởng Tổ dân phố và Phó Trưởng bản, Tổ phó Tổ dân phố

Trưởng bản, Tổ trưởng Tổ dân phố và Phó Trưởng bản, Tổ phó Tổ dân phố phải là người có hộ khẩu thường trú và cư trú thường xuyên ở bản, tổ dân phố; đủ 21 tuổi trở lên, có sức khỏe, nhiệt tình và có tinh thần trách nhiệm trong công tác; có phẩm chất chính trị và phẩm chất đạo đức tốt, được nhân dân tín nhiệm; bản thân và gia đình gương mẫu thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương; có kiến thức văn hóa, năng lực, kinh nghiệm và phương pháp vận động, tổ chức nhân dân thực hiện tốt các công việc tự quản của cộng đồng dân cư và công việc cấp trên giao.

Điều 13. Quy trình bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng bản, Tổ trưởng Tổ dân phố và Phó Trưởng bản, Tổ phó Tổ dân phố

1. Đề cử Trưởng bản, Tổ trưởng Tổ dân phố và giới thiệu Phó Trưởng bản, Tổ phó Tổ dân phố:

a) Ban công tác Mặt trận bản, tổ dân phố đề cử Trưởng bản, Tổ trưởng Tổ dân phố;

b) Trưởng bản, Tổ trưởng Tổ dân phố giới thiệu Phó Trưởng bản, Tổ phó Tổ dân phố giúp việc (sau khi có sự thống nhất với Ban công tác Mặt trận bản, tổ dân phố).

2. Quy trình bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng bản, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 và Điều 12 của Hướng dẫn ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17/4/2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Quy trình bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Phó Trưởng bản, Tổ phó Tổ dân phố thực hiện như đối với Trưởng bản, Tổ trưởng Tổ dân phố.

3. Nhiệm kỳ của Trưởng bản, Tổ trưởng Tổ dân phố và Phó Trưởng bản, Tổ phó Tổ dân phố:

a) Trưởng bản và Tổ trưởng Tổ dân phố có nhiệm kỳ là hai năm rưỡi. Trường hợp thành lập bản mới, tổ dân phố mới hoặc khuyết Trưởng bản, Tổ trưởng Tổ dân phố thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ định Trưởng bản,

trưởng tổ dân phố lâm thời hoạt động cho đến khi cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình của bản, tổ dân phố bầu được Trưởng bản, Tổ trưởng tổ dân phố mới trong thời hạn không quá sáu tháng kể từ ngày có quyết định chỉ định Trưởng bản, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời;

b) Nhiệm kỳ của Phó Trưởng bản, Tổ phó tổ dân phố, thực hiện theo nhiệm kỳ của Trưởng bản, Tổ trưởng tổ dân phố.

4. Trưởng bản, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng bản, Tổ phó tổ dân phố do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận.

Điều 14. Chế độ, chính sách đối với Trưởng bản, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng bản, Tổ phó tổ dân phố

1. Trưởng bản, Tổ trưởng tổ dân phố là những người hoạt động không chuyên trách ở bản, tổ dân phố; được hưởng phụ cấp hàng tháng, mức phụ cấp do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Trưởng bản, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng bản, Tổ phó tổ dân phố được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn những kiến thức, kỹ năng cần thiết; nếu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thì được biểu dương, khen thưởng; không hoàn thành nhiệm vụ, có vi phạm khuyết điểm, không được nhân dân tín nhiệm thì tùy theo mức độ sai phạm sẽ bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Chương 4

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Trách nhiệm các sở, ban, ngành

1. Sở Nội vụ có trách nhiệm

a) Thẩm định và trình UBND tỉnh về việc chia tách, thành lập, sáp nhập, giải thể, đổi tên bản, tổ dân phố;

b) Xây dựng kế hoạch, chương trình, tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ cho Trưởng bản, Phó Trưởng bản, Tổ trưởng, Tổ phó tổ dân phố;

c) Phối hợp Sở Tài chính đề xuất UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh quy định mức phụ cấp hàng tháng cũng như các chế độ, chính sách khác đối với người hoạt động không chuyên trách ở cộng đồng dân cư;

d) Hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này, định kỳ tổng hợp các kiến nghị, đề xuất của UBND cấp huyện, cấp xã báo cáo UBND tỉnh xem xét, bổ sung, điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm

a) Hướng dẫn việc lập dự toán, phân bổ, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách tại bản, tổ dân phố;

b) Phối hợp Sở Nội vụ đề xuất UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh quy định kinh phí hoạt động, mức phụ cấp hàng tháng cũng như các chế độ, chính sách khác đối với người hoạt động không chuyên trách ở bản, tổ dân phố.

Điều 16. Trách nhiệm của Chủ tịch UBND cấp huyện

1. Lập hồ sơ kèm theo văn bản đề nghị UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) đối với việc chia tách, thành lập, sáp nhập, giải thể, đổi tên bản, tổ dân phố;

2. Quyết định việc ghép cụm dân cư vào bản, tổ dân phố hiện có sau khi đã được UBND cấp huyện thông qua.

3. Rà soát trên địa bàn các bản, tổ dân phố có khả năng sáp nhập để thành lập bản mới, tổ dân phố mới nhằm tinh gọn bộ máy, thuận lợi trong quản lý của chính quyền cơ sở; tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân về lợi ích của việc sáp nhập bản, tổ dân phố;

4. Chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này trên địa bàn huyện, thị xã mình quản lý.

5. Định kỳ sáu tháng (chậm nhất ngày 15/6) và hàng năm (chậm nhất ngày 15/12) báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) về số lượng bản, tổ dân phố; số lượng người hoạt động không chuyên trách và kinh phí chi trả cho các chức danh này tại cộng đồng dân cư.

Điều 17. Trách nhiệm của Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn

1. Xây dựng đề án chia tách, thành lập, sáp nhập, giải thể, đổi tên bản, tổ dân phố, ghép cụm dân cư vào bản, tổ dân phố hiện có trình UBND cấp huyện.

2. Quyết định chỉ định Trưởng bản, Tổ trưởng Tổ dân phố lâm thời để điều hành hoạt động của bản, tổ dân phố mới; quyết định công nhận, miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với Trưởng bản, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng bản, Tổ phó tổ dân phố theo quy định.

3. Quản lý, chỉ đạo, điều hành hoạt động của Trưởng bản, Tổ trưởng tổ dân phố trên địa bàn theo quy định.

Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) để theo dõi, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với quy định của Nhà nước và tình hình thực tế của địa phương./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Khắc Chữ